

KĨ NĂNG GIAO TIẾP CỦA TRẺ 5-6 TUỔI TRONG HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI: MỘT NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN TRẮC LƯỢNG THƯ MỤC

COMMUNICATION SKILLS OF CHILDREN AGED 5-6 IN PLAY ACTIVITIES: A BIBLIOMETRIC ANALYSIS

Vũ Thúy Hoàn

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
Email: vthoan@daihocthudo.edu.vn

Article history

Received: 04/4/2026

Accepted: 29/4/2026

Published: 05/7/2026

Keywords

Communication skills, preschool children, preschoolers aged 5-6, play activities, bibliometric analysis, Scopus, research trends

ABSTRACT

Communication skills represent a foundational domain in the development of children aged 5-6, particularly within play activities - a context where children employ language, social interaction, imitation, and joint attention. Despite the growing interest in this topic, the comprehensive landscape of its knowledge structure and developmental trends has yet to be fully systematized. This study employs bibliometric analysis using Scopus data to identify publication trends, prominent contributing countries, and key thematic clusters in research regarding the communication skills of 5-6-year-olds during play. The results indicate a significant increase in publication volumes since 2006, reaching a peak in 2024. The United States leads in both total publications and the number of corresponding authors. Keyword co-occurrence analysis reveals prominent thematic axes, including autism, social communication, joint attention, play, language, imitation, intervention, and preschool education. Notably, joint attention serves as a central bridging concept among these clusters. Play activities serve not only as an educational context but also as a central analytical framework for approaching communication development in children aged 5-6. Nevertheless, the research field currently leans heavily toward children with autism spectrum disorder (ASD), while studies on typically developing preschoolers remain limited. These findings provide an academic foundation, inform policy orientation, and facilitate designing preschool curricula through a communication-centered approach.

1. Mở đầu

Kĩ năng giao tiếp là một trong những kĩ năng quan trọng, là biểu hiện và điều kiện của sự phát triển ở trẻ 5-6 tuổi, bởi đây không chỉ là phương tiện để trẻ biểu đạt nhu cầu, cảm xúc và ý định mà còn là điều kiện để trẻ tham gia vào tương tác xã hội, hình thành quan hệ với bạn bè và người lớn, cũng như thích nghi với môi trường học tập đầu đời. Trong giáo dục mầm non, hoạt động vui chơi giữ vị trí đặc biệt vì tạo ra bối cảnh tự nhiên để trẻ thực hành ngôn ngữ, chia sẻ, bắt chước hành động và phối hợp với người khác. Các nghiên cứu trước đây cho thấy năng lực giao tiếp của trẻ mầm non chịu ảnh hưởng bởi bối cảnh tương tác, vị thế xã hội trong nhóm chơi và chất lượng đàm thoại với người lớn và bạn đồng lứa (Hazen và Black, 1989; Hoff-Ginsberg, 1991; Hughes và cộng sự, 2007). Vì vậy, xem xét kĩ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi không chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển của trẻ mẫu giáo nói riêng mà còn có giá trị trực tiếp đối với giáo dục lứa tuổi mầm non nói chung.

Từ các công bố hiện có, có thể nhận thấy nghiên cứu về kĩ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi đã phát triển theo một số hướng chính. Hướng chủ đạo tập trung vào mối quan hệ giữa vui chơi, bắt chước, sự tập trung chú ý và sự phát triển giao tiếp, đặc biệt nhấn mạnh vai trò dự báo của các yếu tố trong mối quan hệ này đối với tiến trình phát triển ngôn ngữ và giao tiếp ở trẻ nhỏ (Toth và cộng sự, 2006). Một hướng khác tiếp cận giao tiếp như một quá trình xã hội được thúc đẩy bởi tương tác hỗ trợ, trong đó sự tham gia vào môi trường chung và lời nói của người chăm sóc có liên hệ chặt chẽ với phát triển ngôn ngữ và giao tiếp xã hội (Bottema-Beutel và cộng sự, 2014; Wetherby và cộng sự, 2007). Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu đặt trọng tâm vào các can thiệp dựa trên chơi dành cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ, cho thấy việc dạy bắt chước qua tiếp cận hành vi tự nhiên có thể cải thiện ngôn ngữ, chơi giả vờ và sự tập trung chú ý, trong khi các mô hình như JASPER được triển khai ngày càng sâu trong bối cảnh lớp học mầm non (Chang và cộng sự, 2016; Goods và cộng sự, 2013; Ingersoll và Schreibman, 2006; Shih và cộng sự, 2021; Waddington và cộng sự, 2021).

Mặc dù số lượng công bố gia tăng đáng kể, tuy nhiên bức tranh tổng thể về quá trình phát triển, phân bố công bố và cấu trúc chủ đề của lĩnh vực vẫn chưa được hệ thống hóa đầy đủ trong cùng một khung phân tích. Vì vậy, việc lựa chọn phương pháp phân tích thư mục (bibliometric analysis) là cần thiết nhằm cung cấp một cách hệ thống, định lượng về toàn bộ dòng chảy học thuật của lĩnh vực này, cho phép nhận diện cấu trúc tri thức thông qua việc trực quan hóa các mối liên kết giữa các khái niệm chính. Nghiên cứu đóng góp về mặt lí luận bằng cách hệ thống hóa các tiền đề của giao tiếp xã hội trong vui chơi, đồng thời chỉ ra các khoảng trống về phương pháp luận như sự phụ thuộc quá mức vào các nghiên cứu lâm sàng trẻ tự kỉ (ASD). Trong khuôn khổ bài báo, tác giả phân tích xu hướng nghiên cứu về kĩ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi để trả lời ba câu hỏi: (1) Xu hướng công bố của lĩnh vực này biến động như thế nào theo thời gian? (2) Những quốc gia nào giữ vai trò nổi bật trong trường nghiên cứu này? (3) Cấu trúc chủ đề của xu hướng là gì?

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên thiết kế phân tích trắc lượng thư mục (bibliometric analysis) nhằm nhận diện hệ thống và định lượng các xu hướng phát triển trong dòng chảy học thuật về kĩ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo (3-6 tuổi) thông qua hoạt động vui chơi. Phương pháp này không chỉ cho phép mô tả tiến trình phát triển lịch sử của lĩnh vực mà còn hỗ trợ xác định các trung tâm đóng góp học thuật trọng yếu, đồng thời làm rõ cấu trúc chủ đề và các mối liên kết tri thức đang chi phối trường nghiên cứu hiện nay.

Dữ liệu được truy xuất từ cơ sở dữ liệu Scopus 31/3/2026 với chuỗi truy vấn (search string) dựa trên sự kết hợp các thuật ngữ cốt lõi về đối tượng, kĩ năng và ngữ cảnh nghiên cứu:

TITLE-ABS-KEY (((preschool* OR preschooler* OR “preschool child*” OR kindergarten* OR “5-year-old*” OR “6-year old*” OR “five-year-old*” OR “six-year-old*” OR “children aged 5 to 6 “ OR “early childhood”) AND (“communication skill*” OR “communication competence” OR “communicative competence” OR “social communication “ OR “oral communication “ OR “verbal communication “ OR “peer communication” OR conversat* OR dialog*) AND (play OR “play-based” OR “play based” OR “play-based learning” OR “pretend play” OR “dramatic play” OR “sociodramatic play” OR “symbolic play” OR “free play” OR “guided play” OR “role play” OR “peer play” OR “play context*” OR “play setting*” OR “play activit*”))).

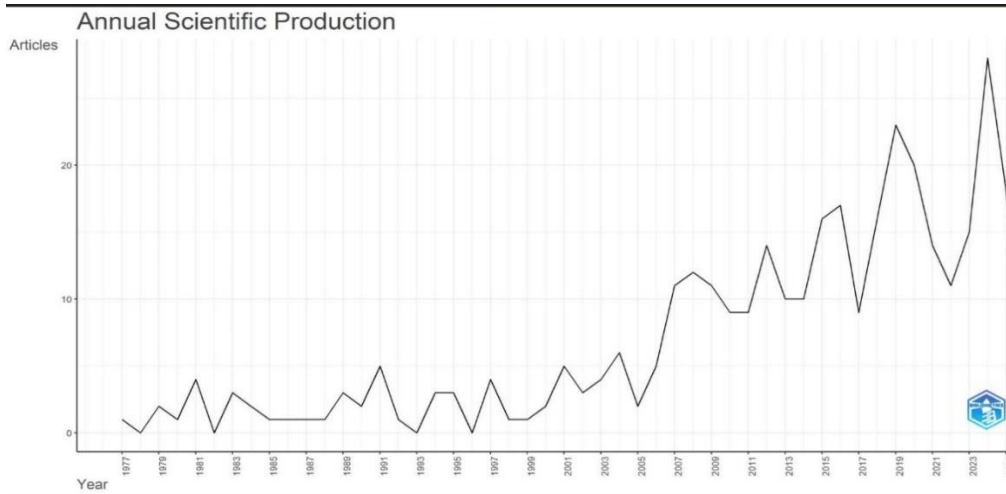
Kết quả truy vấn sơ bộ thu được 1655 tài liệu. Quy trình lọc tài liệu được thực hiện dựa trên các tiêu chí bao gồm: Loại hình tài liệu: Các bài báo khoa học (journal articles) đã qua bình duyệt; Ngôn ngữ: Tiếng Anh. Thời gian: Từ năm 1977 đến hết tháng 31/3/2026; Lĩnh vực trọng tâm: Tâm lí học giáo dục (Các nghiên cứu tập trung trực tiếp vào kĩ năng giao tiếp và hoạt động vui chơi ở trẻ 5-6 tuổi. Sau khi áp dụng các bộ lọc tự động đó và tiếp tục rà soát thủ công nhằm loại bỏ các kết quả không liên quan hoặc trùng lặp, bộ dữ liệu cuối cùng được đưa vào phân tích bao gồm 344 bài báo. Các trường thông tin chính được trích xuất phục vụ phân tích bao gồm: tên tác giả, nhan đề, năm xuất bản, nguồn công bố, từ khóa, quốc gia và mã định danh đối tượng số (DOI).

Quy trình xử lí dữ liệu được chuẩn hóa qua bốn giai đoạn kế tiếp nhau: (1) Chuẩn hóa dữ liệu: Rà soát và làm sạch các trường thông tin từ Scopus để đảm bảo tính thống nhất; (2) Phân tách biến số: Tách riêng các trường thông tin về thời gian, địa lí và thuật ngữ để phục vụ các lớp phân tích chuyên biệt; (3) Tổng hợp thống kê: Phân tích sản lượng công bố theo năm và phân bố địa lí (quốc gia của tác giả liên hệ) nhằm phản ánh động thái phát triển của lĩnh vực qua các thập kỉ; (4) Trực quan hóa mạng lưới: Sử dụng phần mềm VOSviewer để phân tích đồng xuất hiện từ khóa (keyword co-occurrence). Bước này giúp xác định các nút trung tâm, các cụm chủ đề mới nổi và mức độ liên kết giữa các hướng nghiên cứu khác nhau trong mạng lưới tri thức. Các chỉ báo chính được sử dụng bao gồm: sản lượng công bố hằng năm, bản đồ phân bố quốc gia theo thời gian và mạng lưới từ khóa, xu hướng nổi bật. Những lớp phân tích này là cơ sở thực chứng để trả lời các câu hỏi nghiên cứu, từ đó xây dựng bức tranh khái quát về sự vận động học thuật của chủ đề nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Xu hướng công bố theo thời gian

Phân tích dữ liệu công bố cho thấy chủ đề kĩ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi đã xuất hiện từ khá sớm, với công bố đầu tiên được ghi nhận vào năm 1977. Tuy nhiên, trong gần ba thập niên đầu, số lượng nghiên cứu còn tương đối thấp và phân tán. Giai đoạn từ 1977 đến 2006 nhìn chung chỉ ghi nhận từ 1 đến 6 công bố mỗi năm; nhiều năm có số lượng bài rất hạn chế. Điều này phản ánh việc lĩnh vực này khi đó chưa hình thành thành một hướng nghiên cứu phát triển mạnh, mà chủ yếu xuất hiện rải rác trong các nghiên cứu về phát triển ngôn ngữ, tương tác xã hội và giáo dục mầm non.

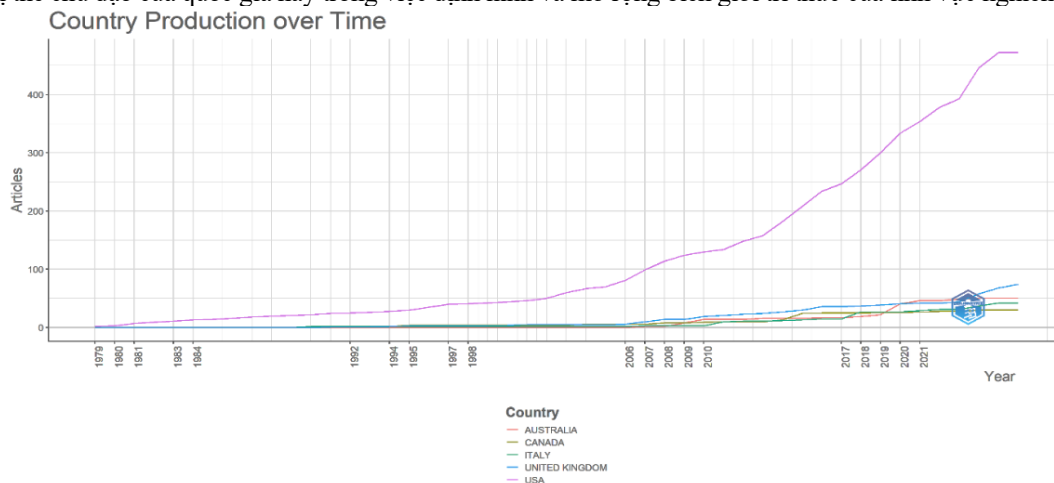


Hình 1. Công bố khoa học theo năm về kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi

Từ sau năm 2006, xu hướng công bố bắt đầu chuyển sang giai đoạn tăng trưởng rõ rệt. Số lượng bài báo tăng nhanh, cho thấy mối quan tâm học thuật đối với chủ đề này đã mở rộng đáng kể. Mặc dù giai đoạn 2009-2014 có dao động nhất định, số lượng công bố vẫn duy trì ở mức cao hơn rõ rệt so với các giai đoạn trước. Điều này cho thấy lĩnh vực đã bước ra khỏi giai đoạn thăm dò ban đầu để trở thành một mạch nghiên cứu tương đối ổn định trong khoa học giáo dục nói chung, giáo dục mầm non nói riêng. Từ năm 2015 trở đi, tốc độ tăng trưởng tiếp tục mạnh hơn. Năm 2024 là thời điểm đạt đỉnh của toàn bộ chuỗi dữ liệu với 28 công bố, thể hiện mức độ quan tâm cao nhất của giới nghiên cứu đối với chủ đề này. Sau đó, số lượng bài báo giảm xuống vào năm 2025 và 2026, tuy nhiên số liệu năm 2026 cần được diễn giải thận trọng do chưa phản ánh đầy đủ sản lượng của cả năm tại thời điểm thu thập dữ liệu. Nhìn tổng thể, có thể chia tiến trình phát triển của lĩnh vực thành ba giai đoạn tương đối rõ: Giai đoạn thứ nhất, từ 1977 đến khoảng 2006, là giai đoạn hình thành với quy mô công bố nhỏ; giai đoạn thứ hai, từ 2007 đến khoảng 2014, là giai đoạn mở rộng, khi số lượng nghiên cứu tăng đáng kể và duy trì tương đối ổn định; giai đoạn thứ ba, từ 2015 đến nay, là giai đoạn tăng trưởng mạnh, đánh dấu sự củng cố của lĩnh vực như một hướng nghiên cứu có tính chuyên biệt hơn.

3.2. Phân bố công bố theo quốc gia

Phân tích phân bố công bố theo quốc gia cho thấy lĩnh vực nghiên cứu này có sự tập trung khá rõ vào một số trung tâm học thuật nhất định, trong đó Hoa Kỳ giữ vị trí nổi trội nhất. Trên biểu đồ tích lũy công bố theo thời gian, đường đồ thị của Hoa Kỳ tách biệt rõ rệt so với các quốc gia còn lại và tăng mạnh liên tục qua các giai đoạn, đặc biệt từ sau năm 2006. Sự chênh lệch đáng kể về số lượng công bố giữa Hoa Kỳ và các quốc gia theo sau góp phần khẳng định vị thế chủ đạo của quốc gia này trong việc định hình và mở rộng biên giới tri thức của lĩnh vực nghiên cứu.



Hình 2. Công bố theo quốc gia qua thời gian

Bên cạnh Hoa Kỳ, một số quốc gia khác cũng có đóng góp đáng kể, nổi bật là Vương quốc Anh, Australia, Italy và Canada. Tuy nhiên, các quốc gia này tạo thành một nhóm thứ hai với quy mô công bố thấp hơn đáng kể so với quốc gia dẫn đầu. Về diễn tiến theo thời gian, các nước này chủ yếu gia tăng số lượng công bố từ giai đoạn sau 2000 và rõ nét hơn trong hơn một thập niên gần đây. Điều này phản ánh rằng sự mở rộng của lĩnh vực không chỉ diễn ra tại một quốc gia đơn lẻ mà đã lan tỏa sang một số trung tâm nghiên cứu khác, dù mức độ tập trung học thuật vẫn còn rất cao ở Hoa Kỳ.

Kết quả từ biểu đồ về quốc gia của tác giả liên hệ tiếp tục củng cố nhận định trên. Hoa Kỳ không chỉ dẫn đầu về tổng số công bố mà còn nổi bật về số lượng bài báo có tác giả liên hệ, cho thấy vai trò trung tâm của quốc gia này trong việc khởi xướng, dẫn dắt và điều phối hoạt động nghiên cứu. Sau Hoa Kỳ là Vương quốc Anh, Australia, Italy, tiếp đến là một nhóm quốc gia có mức đóng góp thấp hơn như Israel, China, Belgium, India, Canada và Turkey. Cấu trúc này cho thấy trường nghiên cứu tuy đã có mức độ quốc tế hóa nhất định, nhưng vẫn xoay quanh một số đầu mối học thuật chủ đạo thay vì phân bố đồng đều giữa các khu vực trên thế giới.



Hình 3. Quốc gia của tác giả liên hệ trong lĩnh vực nghiên cứu

Một điểm đáng chú ý là ở các quốc gia dẫn đầu, phần lớn công bố thuộc nhóm SCP (Single Country Publications) nhiều hơn MCP (Multiple Country Publications). Điều này gợi ý rằng phần đáng kể của số lượng nghiên cứu trong lĩnh vực này vẫn được phát triển chủ yếu trong phạm vi nội bộ từng quốc gia hơn là dựa trên mạng lưới hợp tác xuyên quốc gia quy mô lớn. Dù vậy, sự hiện diện của các công bố hợp tác quốc tế ở các quốc gia đứng đầu cũng cho thấy xu hướng hợp tác quốc tế đang từng bước hình thành.

3.3. Cấu trúc chủ đề qua phân tích từ khóa

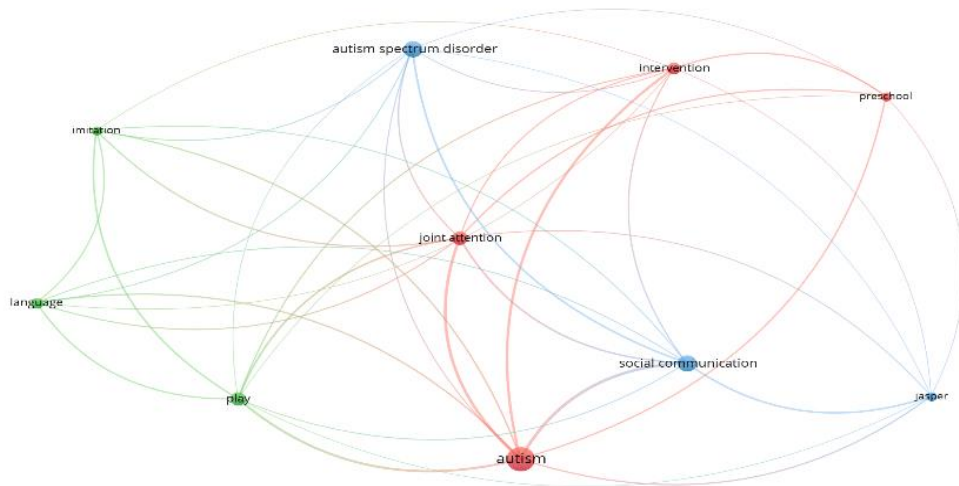
Phân tích đồng xuất hiện từ khóa cho phép làm rõ cấu trúc nội dung của lĩnh vực nghiên cứu. Trên bản đồ VOSviewer, mạng lưới này xuất hiện các từ khóa *autism*, *social communication*, *joint attention*, *play*, *language*, *imitation*, *intervention*, *preschool*, *autism spectrum disorder* và *JASPER* (*Joint Attention, Symbolic Play, Engagement, Regulation*) với trường nghiên cứu không phân tán ngẫu nhiên mà hình thành các cụm chủ đề tương đối rõ, phản ánh những trục nghiên cứu chủ đạo hiện nay, cụ thể:

a) Can thiệp và phát triển giao tiếp trong bối cảnh tự kỉ: Tập trung quanh các từ khóa *autism*, *intervention*, *preschool* và *joint attention*. Đây là một trong những vùng có mật độ liên kết cao nhất, cho thấy một phần rất đáng kể của trường nghiên cứu đang được định hình bởi các công trình liên quan đến trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong bối cảnh giáo dục mầm non, đặc biệt theo hướng can thiệp sớm. Việc từ khóa *intervention* xuất hiện nổi bật cho thấy hoạt động vui chơi không chỉ là bối cảnh quan sát hành vi giao tiếp mà còn được xem như phương tiện can thiệp để cải thiện giao tiếp ở trẻ.

b) Giao tiếp xã hội và cấu trúc hành vi: Cụm chủ đề thứ hai xoay quanh các từ khóa *social communication*, *autism spectrum disorder* và *JASPER*. Cụm này phản ánh rõ hơn góc nhìn tiếp cận giao tiếp như một quá trình xã hội chứ không chỉ là năng lực ngôn ngữ đơn lẻ. Sự hiện diện của *JASPER* cho thấy cấu trúc chủ đề của lĩnh vực đã phát triển đến mức không chỉ có các khái niệm lí thuyết, mà còn có những mô hình can thiệp cụ thể trở thành điểm quy chiếu học thuật.

c) Ngôn ngữ và hoạt động chơi: Cụm chủ đề thứ ba gắn với các từ khóa *play*, *language* và *imitation*. Đây là cụm có ý nghĩa nền tảng đối với toàn bộ trường nghiên cứu vì phản ánh lớp tri thức phát triển học cốt lõi. Sự đồng xuất hiện chặt chẽ giữa *play* và *language* cho thấy nhiều công trình tiếp cận hoạt động vui chơi như một bối cảnh thúc đẩy ngôn ngữ, nơi trẻ sử dụng lời nói để phối hợp hành động, chia sẻ ý định và thương lượng ý nghĩa với người khác.

Trong khi đó, *imitation* xuất hiện như một mắt xích quan trọng nối giữa chơi và giao tiếp. Trong toàn bộ mạng lưới, *joint attention* là khái niệm có ý nghĩa nổi bật nhất ở bình diện cấu trúc. Từ khóa này xuất hiện như một nút cầu nối giữa các cụm lớn, vừa liên hệ với *autism* và *intervention*, vừa gắn với *play*, *language* và *social communication*. Điều này cho thấy trong trường nghiên cứu hiện nay, sự tập trung chú ý không chỉ là một chủ đề độc lập mà là khung khái niệm xuyên suốt giúp liên kết các tiếp cận phát triển, giáo dục và can thiệp.



Hình 4. Bản đồ đồng xuất hiện từ khóa nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi (Nguồn: Tác giả. Dữ liệu do tác giả trích xuất trên VoS Viewer)

Chú thích: *Joint attention*: Khả năng tập chung chú ý trong hoạt động chung; *Autism spectrum disorder*: Rối loạn phổ tự kỉ; *Intervention*: Can thiệp; *Language*: Ngôn ngữ; *Play*: Hoạt động vui chơi; *Autism*: Tự kỉ; *Jasper (Joint Attention, Symbolic Play, Engagement, and Regulation)*: mô hình can thiệp tập trung vào chú ý trong hoạt động, trò chơi kí hiệu, khả năng tham gia và điều chỉnh bản thân; *Social communication*: Giao tiếp xã hội; *Preschool*: Mầm non; *Imitation*: Bắt chước.

Tóm lại, phân tích từ khóa cho thấy trường nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi hiện được cấu trúc quanh ba trục nội dung lớn: (1) tự kỉ, can thiệp và bối cảnh mầm non; (2) giao tiếp xã hội và các mô hình can thiệp dựa trên tương tác; (3) vui chơi, ngôn ngữ và bắt chước như các nền tảng phát triển giao tiếp. Đây là dấu hiệu của một trường nghiên cứu đang phát triển theo hướng tích hợp giữa giáo dục mầm non và giáo dục đặc biệt.

3.4. Các xu hướng nghiên cứu nổi bật

Từ các kết quả phân tích về tiến trình công bố, phân bố theo quốc gia và cấu trúc chủ đề qua mạng lưới từ khóa, có thể khái quát bốn xu hướng nghiên cứu nổi bật của lĩnh vực kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi. Cụ thể:

Xu hướng thứ nhất, lĩnh vực này đang cho thấy sự gia tăng rõ rệt về quy mô công bố trong khoảng hai thập niên gần đây. Nếu ở giai đoạn đầu, số lượng nghiên cứu còn tương đối thưa thớt và phân tán, thì từ sau năm 2006, sản lượng công bố đã tăng nhanh và duy trì xu hướng mở rộng cho đến giai đoạn gần đây. Diễn biến này cho thấy chủ đề nghiên cứu về giao tiếp của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi không còn nằm ở vị trí bên lề trong nghiên cứu phát triển trẻ em và giáo dục mầm non, mà đã từng bước trở thành một hướng nghiên cứu tương đối ổn định, có sự tích lũy học thuật và thu hút ngày càng nhiều sự quan tâm từ giới nghiên cứu.

Xu hướng thứ hai là sự chi phối nổi bật của bối cảnh tự kỉ trong cấu trúc nghiên cứu hiện nay. Điều này được phản ánh rõ qua sự hiện diện với tần suất cao và mức độ liên kết mạnh của các từ khóa như *autism*, *autism spectrum disorder*, *intervention* và *social communication*. Nói cách khác, một phần quan trọng của trường nghiên cứu hiện

đang được định hình bởi các công trình tập trung vào trẻ rối loạn phổ tự kỉ, đặc biệt trong mối quan hệ với phát triển giao tiếp và hỗ trợ can thiệp. Kết quả này phù hợp với mạch nghiên cứu đã được ghi nhận trong các tài liệu trước, trong đó giao tiếp xã hội, sự tập trung chú ý, tham gia tương tác và các hình thức hỗ trợ phát triển giao tiếp được xem là những nội dung trọng tâm khi nghiên cứu trẻ ASD (Bottema-Beutel và cộng sự, 2014; Wetherby và cộng sự, 2007). Sự nổi bật của bối cảnh tự kỉ không chỉ phản ánh nhu cầu thực tiễn của giáo dục đặc biệt và can thiệp sớm, mà còn cho thấy lĩnh vực này đang được thúc đẩy mạnh bởi các câu hỏi nghiên cứu liên quan đến việc hỗ trợ trẻ có khó khăn phát triển trong môi trường mầm non.

Xu hướng thứ ba là sự chuyển dịch từ nghiên cứu mô tả sang nghiên cứu can thiệp dựa trên chơi. Trong cấu trúc từ khóa, *play* không chỉ xuất hiện như một bối cảnh phát triển tự nhiên, nơi trẻ thể hiện năng lực giao tiếp, mà còn có mối liên hệ chặt chẽ với các từ khóa như *intervention* và *JASPER*. Điều đó cho thấy hoạt động vui chơi ngày càng được xem là một phương tiện có chủ đích để thúc đẩy sự phát triển giao tiếp, thay vì chỉ là môi trường quan sát hành vi của trẻ. Xu hướng này được củng cố bởi các nghiên cứu trước đây khi cho thấy các can thiệp dựa trên chơi và tương tác tự nhiên có khả năng hỗ trợ cải thiện ngôn ngữ, chơi giả vờ, sự tập trung chú ý và giao tiếp xã hội ở trẻ nhỏ, đặc biệt là trẻ tự kỉ (Chang và cộng sự, 2016; Goods và cộng sự, 2013; Ingersoll và Schreibman, 2006; Waddington và cộng sự, 2021). Như vậy, có thể thấy lĩnh vực đang chuyển từ việc nhận diện đặc điểm giao tiếp trong chơi sang việc khai thác chính hoạt động vui chơi như một công cụ phát triển và hỗ trợ giao tiếp.

Xu hướng thứ tư là sự nổi lên của *joint attention* như một khái niệm trung tâm trong trường nghiên cứu. Trong mạng lưới từ khóa, *joint attention* giữ vị trí kết nối giữa các cụm nội dung liên quan đến chơi, ngôn ngữ, giao tiếp xã hội, tự kỉ và can thiệp. Điều này phản ánh một xu hướng tiếp cận ngày càng tích hợp hơn đối với giao tiếp của trẻ mẫu giáo, trong đó sự phát triển giao tiếp không được xem là kết quả của một yếu tố riêng lẻ mà là sản phẩm của mối liên hệ giữa nhiều thành tố phát triển. Từ góc nhìn này, sự tập trung chú ý trở thành một điểm tựa lý thuyết quan trọng để lí giải cách trẻ tham gia vào hoạt động chơi, chia sẻ đối tượng chú ý với người khác, phát triển tương tác xã hội và từng bước mở rộng năng lực giao tiếp. Nhận định này cũng phù hợp với các nghiên cứu đã nhấn mạnh vai trò của *joint attention* như một nền tảng của phát triển giao tiếp và ngôn ngữ ở trẻ nhỏ, đặc biệt trong các nghiên cứu liên quan đến can thiệp sớm cho trẻ ASD (Shih và cộng sự, 2021; Toth và cộng sự, 2006).

Tóm lại, bốn xu hướng trên cho thấy lĩnh vực nghiên cứu về kĩ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi đang phát triển theo hướng vừa mở rộng về quy mô, vừa đi sâu về nội dung. Trong đó, nổi bật nhất là sự gia tăng công bố, sự hiện diện chi phối của bối cảnh tự kỉ, xu thế can thiệp dựa trên chơi và vai trò trung tâm của *joint attention* trong việc kết nối các hướng tiếp cận hiện nay.

4. Kết luận và bình luận

Lĩnh vực kĩ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi trong hoạt động vui chơi đã phát triển theo xu hướng gia tăng rõ rệt, đặc biệt từ sau năm 2006, với đỉnh công bố rơi vào giai đoạn gần đây. Hoa Kỳ giữ vai trò trung tâm nổi bật cả về sản lượng công bố lẫn vị thế tác giả liên hệ. Về cấu trúc chủ đề, trường nghiên cứu hiện tập trung chủ yếu vào các trục nội dung như tự kỉ, giao tiếp xã hội, vui chơi, ngôn ngữ, bắt chước, can thiệp và sự tập trung chú ý, trong đó *joint attention* là khái niệm kết nối trung tâm giữa các cụm chủ đề. Ở bình diện học thuật, kết quả cho thấy lĩnh vực này đang chuyển từ các nghiên cứu mô tả hành vi giao tiếp sang các tiếp cận tích hợp hơn, kết nối giữa vui chơi, giao tiếp xã hội và can thiệp sớm. Cấu trúc tri thức hiện tại cũng cho thấy sự chi phối khá mạnh của bối cảnh trẻ rối loạn phổ tự kỉ, thiếu các nghiên cứu ở trẻ bình thường (non-ASD) và các nghiên cứu so sánh nhóm. Điều này cũng cho thấy trường nghiên cứu đã phát triển chiều sâu về ứng dụng, nhưng vẫn cần mở rộng thêm về phạm vi đối tượng và bối cảnh. Đối với giáo dục mầm non, kết quả nghiên cứu nhấn mạnh rằng hoạt động vui chơi cần được nhìn nhận như một môi trường giàu tiềm năng để phát triển giao tiếp, đặc biệt thông qua việc thúc đẩy tập trung chú ý, tương tác xã hội, ngôn ngữ và bắt chước. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ giới hạn trong dữ liệu Scopus với các bài báo bằng tiếng Anh, trường nghiên cứu đang tập trung vào trẻ rối loạn phổ tự kỉ (ASD). Do đó, các hướng nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng sang các nhóm trẻ phát triển bình thường và có những so sánh trong môi trường đa văn hóa.

Tuyên bố về GenAI và Quyền tác giả: Trong quá trình chuẩn bị bản thảo này, tác giả có sử dụng công cụ AI để hỗ trợ diễn đạt học thuật và rà soát hình thức trích dẫn.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích với tổ chức, cá nhân nào.

Thông tin tài trợ: Nghiên cứu này không nhận được tài trợ từ bất kì tổ chức, cá nhân nào.

Tài liệu tham khảo

- Bottema-Beutel, K., Yoder, P. J., Hochman, J. M., & Watson, L. R. (2014). The role of supported joint engagement and parent utterances in language and social communication development in children with autism spectrum disorder. *Journal of Autism and Developmental Disorders, 44*(9), 2162-2174.
- Chang, Y.-C., Shire, S. Y., Shih, W., Gelfand, C., & Kasari, C. (2016). Preschool deployment of evidence-based social communication intervention: JASPER in the classroom. *Journal of Autism and Developmental Disorders, 46*(6), 2211-2223. <https://doi.org/10.1007/s10803-016-2752-2>
- Goods, K. S., Ishijima, E., Chang, Y.-C., & Kasari, C. (2013). Preschool based JASPER intervention in minimally verbal children with Autism: Pilot RCT. *Journal of Autism and Developmental Disorders, 43*(5), 1050-1056. <https://doi.org/10.1007/s10812-1644-3>
- Hazen, N. L., & Black, B. (1989). Preschool peer communication skills: The role of social status and interaction context. *Child Development, 60*(4), 867-876. <https://doi.org/10.1111/j.1467-8624.1989.tb03519.x>
- Hoff-Ginsberg, E. (1991). Mother-child conversation in different social classes and communicative settings. *Child Development, 62*(4), 782-796. <https://doi.org/10.1111/j.1467-8624.1991.tb01569.x>
- Hughes, C., Lecce, S., & Wilson, C. (2007). "Do you know what I want?" Preschoolers' talk about desires, thoughts and feelings in their conversations with sibs and friends. *Cognition and Emotion, 21*(2), 330-350.
- Ingersoll, B., & Schreibman, L. (2006). Teaching reciprocal imitation skills to young children with autism using a naturalistic behavioral approach: Effects on language, pretend play, and joint attention. *Journal of Autism and Developmental Disorders, 36*(4), 487-505. <https://doi.org/10.1007/s10803-006-0089-y>
- Shih, W., Shire, S., Chang, Y.-C., & Kasari, C. (2021). Joint engagement is a potential mechanism leading to increased initiations of joint attention and downstream effects on language: JASPER early intervention for children with ASD. *Journal of Child Psychology and Psychiatry and Allied Disciplines, 62*(10), 1228-1235. <https://doi.org/10.1111/jcpp.13405>
- Toth, K., Munson, J., Meltzoff, A. N., & Dawson, G. (2006). Early predictors of communication development in young children with autism spectrum disorder: Joint attention, imitation, and toy play. *Journal of Autism and Developmental Disorders, 36*(8), 993-1005. <https://doi.org/10.1007/s10803-006-0137-7>
- Waddington, H., Reynolds, J. E., Macaskill, E., Curtis, S., Taylor, L. J., & Whitehouse, A. J. O. (2021). The effects of JASPER intervention for children with autism spectrum disorder: A systematic review. *Autism, 25*(8), 2370-2385. <https://doi.org/10.1177/13623613211019162>
- Wetherby, A. M., Watt, N., Morgan, L., & Shumway, S. (2007). Social communication profiles of children with autism spectrum disorders late in the second year of life. *Journal of Autism and Developmental Disorders, 37*(5), 960-975. <https://doi.org/10.1007/s10803-006-0237-4>